

THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 4/ 2014
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q4/2014	Số thuế chênh lệch	
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả
30	Nguyễn Tiến	Nhân	Khoa Cơ Khí	60,680,893	27,000,000	-	1,519,929	32,160,964	2,574,144	1,584,920	989,224	
31	Nguyễn Tam	Cương	Khoa Cơ Khí	67,991,428	27,000,000	21,600,000	1,626,936	17,764,492	1,026,450	1,727,000		700,550
32	Chung Trần Thế	Vinh	Khoa Cơ Khí	47,504,360	27,000,000	-	1,453,056	19,051,304	1,155,132	1,523,160		368,028
33	Nguyễn Duy	Hải	Khoa Cơ Khí	28,243,801	27,000,000	-	847,665	396,136	19,806	862,220		842,414
34	Đỗ Thị Phương	Khanh	Khoa Cơ Khí	50,368,948	27,000,000	10,800,000	1,898,287	10,670,661	533,532	1,869,080		1,335,548
35	Nguyễn Chí	Ngãi	Khoa Cơ Khí	38,787,661	27,000,000	-	1,799,658	9,988,003	499,401	702,762		203,361
36	Phạm Thị	Phượng	Khoa Cơ Khí	43,086,139	27,000,000	10,800,000	2,438,594	2,847,545	142,377	656,980		514,603
37	Phan Văn	Thành	Khoa Cơ Khí	59,315,719	27,000,000	21,600,000	2,480,961	8,234,758	411,738	2,379,573		1,967,835
91	Dương Minh	Chung	Khoa Cơ Khí	39,685,600	27,000,000	32,400,000	1,184,559	0	0	1,316,940		1,316,940
92	Nguyễn Tiến	Dũng	Khoa Cơ Khí	30,748,314	27,000,000	21,600,000	967,209	0	0	254,045		254,045
93	Trương Thị Phương	Hồng	Khoa Cơ Khí	50,465,720	27,000,000	32,400,000	1,887,249	0	0	1,890,800		1,890,800
94	Trần Thị	Hương	Khoa Cơ Khí	29,021,020	27,000,000	10,800,000	967,209	0	0	812,723		812,723
95	Vũ Quang	Khải	Khoa Cơ Khí	50,516,813	27,000,000	32,400,000	1,766,331	0	0	1,869,080		1,869,080
96	Trần Đình	Khải	Khoa Cơ Khí	25,472,420	27,000,000	10,800,000	1,057,770	0	0	255,868		255,868
97	Nguyễn Thành	Long	Khoa Cơ Khí	24,008,800	27,000,000	10,800,000	967,209	0	0	250,366		250,366
98	Vũ Đức	Pháp	Khoa Cơ Khí	36,540,068	27,000,000	32,400,000	1,314,858	0	0	1,306,960		1,306,960
99	Nguyễn Thanh Vĩnh	Phúc	Khoa Cơ Khí	35,129,895	27,000,000	21,600,000	1,564,920	0	0	494,736		494,736
100	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	Khoa Cơ Khí	28,398,057	27,000,000	10,800,000	967,209	0	0	723,138		723,138
101	Trần Minh	Thông	Khoa Cơ Khí	26,442,546	27,000,000	-	847,665	0	0	684,013		684,013
102	Bùi Anh	Tuấn	Khoa Cơ Khí	25,558,622	27,000,000	-	847,665	0	0	459,914		459,914
103	Nguyễn Thanh	Vũ	Khoa Cơ Khí	42,768,082	27,000,000	43,200,000	1,025,241	0	0	431,258		431,258
104	Lư Thị Yến	Vũ	Khoa Cơ Khí	25,010,946	27,000,000	21,600,000	967,209	0	0	274,280		274,280

Phòng Kế hoạch Tài chính: Thông báo đến các cá nhân có tên trong bảng danh sách phải nộp thuế TNCN trên, đến nộp tại phòng KHTC trước ngày 30/03/2015.